

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 359/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2023

V/v: *Xin ly hôn.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chuyên;

Ông Trần Quốc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐST – HNGĐ ngày 08/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh 1981.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh 1978.

Cùng địa chỉ: Số X, ngách Y, phường T, quận N, thành phố H.

Chị P có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị P trình bày: Tôi và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, thành phố H (nay thuộc phường T, quận N, thành phố H). Trong quá trình chung sống, chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xô xát, cãi vã. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2021, mỗi người ở một nơi. Tôi không còn biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay tôi xác định không còn tình cảm với anh H. Đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh H.

Con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn V.A, sinh ngày 03/5/2005 và cháu Nguyễn Q.A, sinh ngày 02/6/2010. Cháu V.A đã trưởng thành, ở với ai là quyền của cháu. Vì cháu Q.A vẫn đang sống ổn định với tôi nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi được nuôi cháu Q.A.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn: Toà án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng bị đơn không lên Toà để giải quyết. Toà án không tiến hành lấy được lời khai của anh H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị P trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.
Con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn V.A, sinh ngày 03/5/2005 và cháu Nguyễn Q.A, sinh ngày 02/06/2010. Cháu V.A đã trưởng thành, ở với ai là quyền của cháu. Vì cháu Q.A vẫn đang sống ổn định với tôi nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi được nuôi cháu Q.A và tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, vay nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn – anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt lần thứ hai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

Đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ kèm theo của chị Nguyễn Thị P đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có nơi cư trú tại: Số X, ngách Y, phường T, quận N, thành phố H. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Ngọc H - bị đơn vắng mặt lần thứ 2, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử bình thường vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Xét yêu cầu “*Xin ly hôn*” của chị P với anh H, Hội đồng xét xử thấy: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị P kết hôn năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, thành phố H (nay thuộc phường T, quận N, thành phố H). Hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị P trình bày: Trong quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xô xát, cãi vã. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021, mỗi người ở một nơi và không còn biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh H.

Tòa án tiến hành lấy ý kiến của bà Trần Thị H1 – là mẹ đẻ của chị P. Bà H1 trình bày: Trong quá trình chung sống, anh H nhiều lần sa ngã vào cờ bạc, lô đề, trai gái, gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được, khiến tình cảm vợ chồng sút mẻ. Nay chị P cùng hai con trai đã về ở cùng nhà với bà Hương.

Xác minh tại tổ dân phố P nơi anh chị từng sinh sống thể hiện: Hiện nay anh chị không còn sống chung, về mâu thuẫn gia đình, tổ dân phố không nắm được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế, cuộc sống hôn nhân của anh H, chị P không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị P xin ly hôn là hoàn toàn phù hợp với thực tế, không trái quy định của pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh H. Cho chị P được ly hôn anh H.

- Con chung: Anh chị có hai con chung là cháu hai con chung là cháu Nguyễn V.A, sinh ngày 03/5/2005 và cháu Nguyễn Q.A, sinh ngày 02/06/2010. Cháu V.A đã trưởng thành, ở với ai là quyền của cháu. Cháu Q.A vẫn đang sống ổn định với chị P và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Cháu Q.A vẫn đang ở ổn định với chị P. Việc chị P đề nghị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q.A là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế, đảm bảo được quyền lợi cho cháu Q.A, chị P cũng đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để nuôi cháu Q.A không trái quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Vì chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H cho đến khi chị P có yêu cầu hoặc có sự thay đổi, thỏa thuận khác.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[III] *Về án phí*: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P với anh Nguyễn Ngọc H. Cho chị P được ly hôn anh H.

2/ **Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn V.A, sinh ngày 03/5/2005 và cháu Nguyễn Q.A, sinh ngày 02/06/2010. Cháu V.A đã trưởng thành. Giao cháu Q.A cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H cho đến khi chị P có yêu cầu hoặc có sự thay đổi, thỏa thuận khác.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

3/ **Tài sản chung, vay nợ chung:** Chị P không yêu cầu Tòa giải quyết.

4/ **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 00035352 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND phường T, quận N, thành phố H (số 75/2004);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thuý Anh